

Số : ~~13~~ /CBTT-NAG-2017.  
V/v: Công bố BCTC hợp nhất năm  
2016 đã kiểm toán

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017.

**Kính gửi :** - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty : **Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam**
2. Mã chứng khoán : **NAG**
3. Địa chỉ trụ sở chính : Phúc Thắng – Phúc Yên – Vĩnh Phúc
4. Điện thoại : 02113873568 Fax : 02113548020
5. Người thực hiện công bố thông tin : Nguyễn Thị Huyền Thương
6. Nội dung của thông tin công bố :

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam được lập ngày 23 tháng 03 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016.

Nội dung giải trình: Giải trình chênh lệch trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 4 năm 2016 theo Công văn số 10/CV-NAG-2017

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.nagakawa.com.vn](http://www.nagakawa.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận :**

- Như trên
- Lưu Ban QHCD

**CÔNG TY CP NAGAKAWA VIỆT NAM**  
**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**



**Nguyễn Thị Huyền Thương**

CÔNG TY CP NAGAKAWA VIỆT NAM

Phúc Thắng – Phúc Yên – Vĩnh Phúc

Số : 10.../CV-NAG-2017

( V/v giải trình chênh lệch trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán )

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

**Kính gửi :** - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước  
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

- Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ Phần Nagakawa Việt Nam
- Mã chứng khoán : NAG
- Trụ sở chính : Khu 9, Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt, nay Công ty xin giải trình số liệu chênh lệch giữa báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2016 trước kiểm toán với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2016 sau kiểm toán như sau :

\* Số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:

STT	Chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch tăng/ giảm (+/-)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.139.861.858	11.563.004.209	(-) 576.857.649

Lý do như sau :

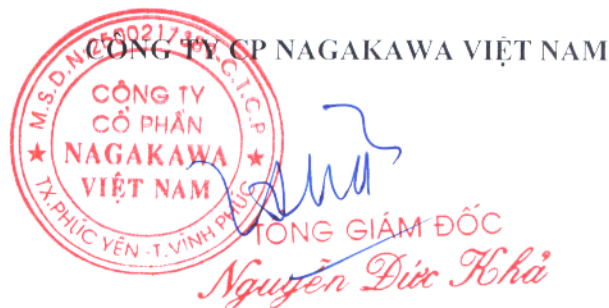
- Giảm lợi nhuận do bổ sung hạch toán trích lập dự phòng công nợ bán hàng : 355.675.942 đồng
- Giảm lợi nhuận do điều chỉnh tăng chi phí quản lý doanh nghiệp : 436.022.411 đồng
- Giảm lợi nhuận do điều chỉnh tăng chi phí bán hàng : 310.137.387 đồng
- Giảm lợi nhuận do điều chỉnh tăng tiền truy thu thuế và phạt sau kiểm tra thuế : 124.544.661 đồng
- Giảm lợi nhuận do điều chỉnh giảm lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh : 125.105.943 đồng
- Giảm lợi nhuận do tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành : 28.869.038 đồng
- Tăng lợi nhuận do bổ sung hạch toán công nợ mua hàng không phải trả : 198.559.229 đồng
- Tăng lợi nhuận do bổ sung hạch toán hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho : 604.938.504 đồng

Vậy Công ty Cổ Phần Nagakawa Việt Nam kính đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố thông tin giải trình trên nhằm giúp các Nhà đầu tư có đầy đủ thông tin về báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2016 của Công ty.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu TCKT, HCNS



**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

<b>TÀI SẢN</b>		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>299.865.987.242</b>	<b>255.574.884.356</b>
I	Tiền và các tài khoản tương đương tiền	8.545.805.292	7.402.031.777
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	827.000.000	280.099.050
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	134.000.500.468	145.400.809.559
IV	Hàng tồn kho	152.756.761.847	101.037.080.065
V	Tài sản ngắn hạn khác	3.735.919.635	1.454.863.905
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>41.843.930.486</b>	<b>28.070.662.628</b>
I	Các khoản phải thu dài hạn		
II	Tài sản cố định	22.275.179.246	23.051.753.404
1	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	22.275.179.246	23.051.753.404
2	<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>		
3	<i>Tài sản cố định vô hình</i>		
III	Bất động sản đầu tư		
IV	Tài sản dở dang dài hạn		
V	Đầu tư tài chính dài hạn	17.725.708.094	4.167.252.826
VI	Tài sản dài hạn khác	1.843.043.145	851.656.398
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>341.709.917.728</b>	<b>283.645.546.984</b>
	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>160.511.242.914</b>	<b>117.959.032.427</b>
I	Nợ ngắn hạn	159.886.478.181	116.928.988.794
II	Nợ dài hạn	624.764.733	1.030.043.633
<b>D</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>181.198.674.814</b>	<b>165.686.514.557</b>
I	Vốn chủ sở hữu	181.198.674.814	165.686.514.557
1	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	148.495.780.000	148.495.780.000
2	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	5.672.110.000	5.672.110.000
3	<i>Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu</i>		
4	<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>		
5	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	(20.000)	
6	<i>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</i>		
7	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>		
8	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	3.500.593.946	3.500.593.946
9	<i>Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</i>		
10	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>		
11	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	13.222.040.161	5.103.452.274
12	<i>Nguồn vốn đầu tư XDCB</i>		
13	<i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	10.308.170.707	2.914.598.337
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
1	<i>Nguồn kinh phí</i>		
2	<i>Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</i>		
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>341.709.917.728</b>	<b>283.645.546.984</b>



## II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Năm nay	Năm trước
1	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>390.538.408.231</b>	<b>327.246.949.686</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	4.388.889.639	950.195.946
3	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>386.149.518.592</b>	<b>326.296.753.740</b>
4	Giá vốn hàng bán	319.552.670.260	286.112.966.939
5	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>66.596.848.332</b>	<b>40.183.786.801</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.028.581.218	1.622.816.733
7	Chi phí tài chính	7.677.512.790	8.380.288.115
	<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	<i>7.388.025.599</i>	<i>6.978.305.407</i>
8	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	1.558.455.268	(3.504.000)
9	Chi phí bán hàng	25.476.149.231	14.047.569.637
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.721.458.863	13.046.095.775
11	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>14.308.763.934</b>	<b>6.329.146.007</b>
12	Thu nhập khác	6.385.901.121	8.210.029.708
13	Chi phí khác	5.201.239.762	361.341.162
14	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>1.184.661.359</b>	<b>7.848.688.546</b>
15	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>15.493.425.293</b>	<b>14.177.834.553</b>
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.231.199.016	3.671.955.592
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(300.777.932)	(62.435.828)
18	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>11.563.004.209</b>	<b>10.568.314.789</b>
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	11.322.431.839	10.526.052.441
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	240.572.370	42.262.348
19	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>762</b>	<b>709</b>
20	<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>762</b>	<b>709</b>

## III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	12,25	9,90
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	87,75	90,10
2	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	46,97	41,59
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	53,03	58,41
3	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,92	1,32
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,88	2,19
4	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,38	3,73
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,99	3,24
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	6,38	6,38
5	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,05	2,81
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	113,01	115,04

Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Har Chi Dung

Ngày 28 tháng 03 năm 2017

Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Đức Khả



---

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

---



## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-5
Báo cáo kiểm toán độc lập	6 – 7
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	8-11
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2016</i>	12
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2016</i>	13-14
<i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016</i>	15-47
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	48

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 12 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 2500217389 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 08 tháng 01 năm 2015 về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh.

**Vốn điều lệ: 148.495.780.000 VND**

### ***Trụ sở hoạt động:***

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
Điện thoại : 0211 873 568  
Fax : 0211 873 569  
E-mail : Info@nagakawa.com.vn  
Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

### ***Các đơn vị trực thuộc:***

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam Chi nhánh Hà Nội	Số 10, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại Đà Nẵng	Số 225, Hà Huy Tập, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	64 Lư Chí Hiếu, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

### ***Công ty con***

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Lắp đặt hệ thống điều hòa công trình dân dụng, công nghiệp	80%
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	225 Hà Huy Tập, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Bán buôn bán lẻ điều hòa các loại	52%
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	64 Lư Chí Hiếu, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn bán lẻ điều hòa các loại	51%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước./.

### **Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 48).

### **Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính**

Trong năm, Công ty đã thực hiện đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam; Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó:

Đầu tư vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty đầu tư số tiền 12.000.000.000 VND, tương đương 48% vốn điều lệ.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng: theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty đầu tư số tiền 2.600.000.000 VND, tương đương 52% vốn điều lệ.

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh: theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty đầu tư số tiền 4.947.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không còn sự kiện nào khác xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### ***Hội đồng quản trị***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch
Bà Đào Thị Soi	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên
Bà Trương Đào Hải Hà	Ủy viên

#### ***Ban kiểm soát***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Hải	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên
Bà Chu Thị Hữu	Thành viên

#### ***Ban Tổng Giám đốc***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Khả	Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Soi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

## Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Đức Khả**

Ngày 23 tháng 3 năm 2017



Kết nối - Phát triển

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 2406.01.06/2016/NVT2-BCTC  
Ngày : 23 tháng 3 năm 2017

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP** **VỀ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016**

Kính gửi : **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam, được lập ngày 23 tháng 3 năm 2017 từ trang 08 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Trụ Sở Chính:**

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội **6**  
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

#### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

#### **Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

#### **Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:**

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

11/03/2017 12:11:11

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Hồng Thanh**

GCNĐKHNT số: 0053-2014-124-1

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thị Hạnh**

GCNĐKHNT số: 1690-2014-124-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>299.865.987.242</b>	<b>255.574.884.356</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>8.545.805.292</b>	<b>7.402.031.777</b>
1. Tiền	111		5.272.805.292	7.402.031.777
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.273.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>827.000.000</b>	<b>280.099.050</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	827.000.000	280.099.050
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>134.000.500.468</b>	<b>145.400.809.559</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	82.914.338.817	82.110.297.083
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	49.650.095.431	15.589.018.296
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	3.980.000.000	20.990.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	3.161.767.691	28.059.850.205
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(5.705.701.471)	(1.348.356.025)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>152.756.761.847</b>	<b>101.037.080.065</b>
1. Hàng tồn kho	141		155.566.932.240	101.829.309.318
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.810.170.393)	(792.229.253)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.735.919.635</b>	<b>1.454.863.905</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	698.204.978	1.278.629.842
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.862.713.368	175.762.746
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		175.001.289	471.317
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>41.843.930.486</b>	<b>28.070.662.628</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.275.179.246</b>	<b>23.051.753.404</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	22.275.179.246	23.051.753.404
<i>Nguyên giá</i>	222		94.453.172.789	91.054.943.439
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(72.177.993.543)	(68.003.190.035)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228	V.11	133.962.600	133.962.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(133.962.600)	(133.962.600)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>17.725.708.094</b>	<b>4.167.252.826</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	17.725.708.094	4.167.252.826
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.843.043.146</b>	<b>851.656.398</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1.497.479.693	806.870.877
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	345.563.453	44.785.521
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>341.709.917.728</b>	<b>283.645.546.984</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>160.511.242.914</b>	<b>117.959.032.427</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>159.886.478.181</b>	<b>116.928.988.794</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	14.209.454.465	18.023.892.758
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	11.151.896.459	4.113.721.178
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	9.419.620.548	11.551.533.487
4. Phải trả người lao động	314		1.525.122.547	1.258.595.959
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	681.380.852	465.359.855
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	1.489.674.044	198.199.317
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	118.745.130.462	79.606.122.294
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	2.606.675.771	1.654.040.913
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		57.523.033	57.523.033
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>624.764.733</b>	<b>1.030.043.633</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22	624.764.733	1.012.584.733
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.23	-	17.458.900
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

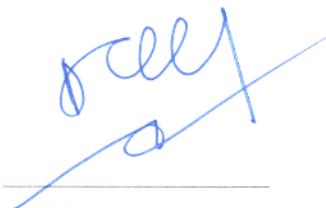
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>181.198.674.814</b>	<b>165.686.514.557</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.24</b>	<b>181.198.674.814</b>	<b>165.686.514.557</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		148.495.780.000	148.495.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		148.495.780.000	148.495.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.500.593.946	3.500.593.946
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.222.040.161	5.103.452.274
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.899.608.322	(5.422.600.167)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.322.431.839	10.526.052.441
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.308.170.707	2.914.598.337
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>341.709.917.728</b>	<b>283.645.546.984</b>

Người lập biểu



Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung

Lập ngày 23 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc




Nguyễn Đức Khả

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	390.538.408.231	327.246.949.686
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.388.889.639	950.195.946
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		386.149.518.592	326.296.753.740
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	319.552.670.260	286.112.966.939
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.596.848.332	40.183.786.801
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.028.581.218	1.622.816.733
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.677.512.790	8.380.288.115
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.388.025.599	6.978.305.407
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.558.455.268	(3.504.000)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	25.476.149.231	14.047.569.637
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	22.721.458.863	13.046.095.775
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.308.763.934	6.329.146.007
12. Thu nhập khác	31	VI.8	6.385.901.121	8.210.029.708
13. Chi phí khác	32	VI.9	5.201.239.762	361.341.162
14. Lợi nhuận khác	40		1.184.661.359	7.848.688.546
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.493.425.293	14.177.834.553
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	4.231.199.016	3.671.955.592
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	(300.777.932)	(62.435.828)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.563.004.209</u>	<u>10.568.314.789</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		<u>240.572.370</u>	<u>42.262.348</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		<u>11.322.431.839</u>	<u>10.526.052.441</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	<u>762</u>	<u>709</u>

Người lập biểu



Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung

Lập ngày 23 tháng 3 năm 2017



Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

do khách hàng sản xuất có thời hạn tối đa không quá 1 năm tính đến thời điểm nhận thế chấp, được để tại kho riêng, có khóa riêng và có bảo vệ do Ngân hàng chỉ định, được thế chấp và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định, không bị trùng với các tổ chức tín dụng khác.

(d) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 80/2016-HĐTDHM/NHCT145-PGDBH-NAGAKAWA ngày 06 tháng 4 năm 2016 với tổng mức cấp tín dụng tối đa là 20 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá tám tháng. Mục đích vay nhằm thanh toán các chi phí phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ, được xác định điều chỉnh hàng tháng một lần. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	79.246.158.961	305.079.312.595	-	265.865.304.427	118.460.167.129
Vay dài hạn đến hạn trả	359.963.333	-	319.070.000	394.070.000	284.963.333
<b>Cộng</b>	<b>79.606.122.294</b>	<b>305.079.312.595</b>	<b>319.070.000</b>	<b>266.259.374.427</b>	<b>118.745.130.462</b>

### 21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là dự phòng phải trả ngắn hạn cho hoạt động bảo hành sản phẩm tiêu thụ và bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản dự phòng phải trả ngắn hạn như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	1.654.040.913
Tăng do trích lập trong năm	2.578.478.443
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	17.458.900
Số sử dụng trong năm	(1.627.526.441)
Số hoàn nhập trong năm	(15.776.044)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.606.675.771</b>

### 22. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>624.764.733</b>	<b>624.764.733</b>	<b>1.012.584.733</b>	<b>1.012.584.733</b>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (a)	-	-	125.000.000	125.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Bắc Thăng Long (b)	314.270.000	314.270.000	444.230.000	444.230.000
NH TMCP Đại Chúng VN- CN Thăng Long (c)	310.494.733	310.494.733	443.354.733	443.354.733
<b>Cộng</b>	<b>624.764.733</b>	<b>624.764.733</b>	<b>1.012.584.733</b>	<b>1.012.584.733</b>

(a) Là khoản vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng cấp tín dụng số THK2014/03-HĐTD ngày 19 tháng 8 năm 2014, tổng số tiền vay là 300 triệu đồng, mục đích vay là mua xe ô tô. Thời hạn vay 04 năm kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2014 với lãi suất là 7,99%/năm trong vòng 03 tháng đầu, từ tháng thứ 04 lãi vay bằng lãi vay quy định của ngân

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

hàng cộng với tỷ lệ biến động là 3,68%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng kể từ ngày giải ngân.

(b) Là khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 59/2015-HDTDDA/NHCT145-PGDBH-Nagakawa ký ngày 11/05/2015, mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô Kia Sorento, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 8,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng/lần. Gốc và lãi được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng và bắt đầu từ ngày 25/06/2015. Hợp đồng vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp động sản số 58/2015/HĐTC-NHCT145-PGDBH ký ngày 11/05/2015, tài sản thế chấp là xe ô tô Kia Sorento được định giá trị một tỷ đồng.

(c) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng vay số 04/2015/HĐCV/PVBTL-NAGA.IDT ký ngày 14/04/2015, số tiền vay 664.300.000 VND với mục đích cho vay bù đắp đầu tư mua ô tô phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Hợp đồng vay có thời hạn 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đến hết ngày 31/07/2015 là 11,5%/năm, từ 01/08/2015 lãi suất điều chỉnh theo quy định của ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả định kỳ 03 tháng/lần, kỳ gốc vay đầu tiên thanh toán vào ngày 26/07/2015, lãi vay được trả 01 tháng/lần vào ngày 26. Tài sản thế chấp là ô tô Toyota Fortuner theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 08/2015/HĐTC/PVBTL-NAGA.IDT có giá trị 949.000.000VND

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	284.963.333	359.963.333
Trên 1 năm đến 5 năm	624.764.733	1.012.584.733
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>909.728.066</u></b>	<b><u>1.372.548.066</u></b>

Chi tiết phát sinh khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	1.012.584.733
Số tiền vay đã trả trong năm	(68.750.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(319.070.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>624.764.733</u></b>

### 23. Dự phòng phải trả dài hạn

Là dự phòng phải trả dài hạn cho hoạt động bảo hành công trình xây lắp, trong năm đã kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****24. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	3.500.593.946	(5.422.600.167)	2.872.335.989	155.118.199.768
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	10.526.052.441	42.262.348	10.568.314.789
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>148.495.780.000</b>	<b>5.672.110.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>3.500.593.946</b>	<b>5.103.452.274</b>	<b>2.914.598.337</b>	<b>165.686.514.557</b>
Số dư đầu năm nay	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	3.500.593.946	5.103.452.274	2.914.598.337	165.686.514.557
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.322.431.839	240.572.370	11.563.004.209
Cổ đông thiểu số góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	7.153.000.000	7.153.000.000
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(3.203.843.952)	-	(3.203.843.952)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>148.495.780.000</b>	<b>5.672.110.000</b>	<b>(20.000)</b>	<b>3.500.593.946</b>	<b>13.222.040.161</b>	<b>10.308.170.707</b>	<b>181.198.674.814</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	148.495.780.000	148.495.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
<b>Cộng</b>	<b>154.167.870.000</b>	<b>154.167.870.000</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.849.578	14.849.578
- Cổ phiếu phổ thông	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.849.576	14.849.576
- Cổ phiếu phổ thông	14.849.576	14.849.576

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

**25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán****A, Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	743,58	668,45



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<b>B, Nợ khó đòi đã xử lý</b>			
<b>Đối tượng</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Nguyên nhân xóa sổ</b>
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000	47.723.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000	525.607.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000	283.250.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382	125.087.382	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty CP Công nghệ Thương mại Tràng An	30.000.000	30.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>1.116.279.409</b>	<b>1.116.279.409</b>	

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**  
*1a, Tổng doanh thu*

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	371.981.545.659	312.379.674.449
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.556.862.572	14.867.275.237
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>390.538.408.231</b>	<b>327.246.949.686</b>

*1b, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan*

	<b>Năm nay</b>
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	73.540.019.333
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	452.807.600
<b>Cộng</b>	<b>73.992.826.933</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Hàng bán bị trả lại	666.699.134	342.424.546
Giảm giá hàng bán	11.272.327	-
Chiết khấu thương mại	3.710.918.178	607.771.400
<b>Cộng</b>	<b>4.388.889.639</b>	<b>950.195.946</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	300.849.454.029	273.096.307.611
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.685.275.091	12.224.430.075
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.017.941.140	792.229.253
<b>Cộng</b>	<b>319.552.670.260</b>	<b>286.112.966.939</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.846.990.485	1.621.220.711
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	181.590.733	1.596.022
<b>Cộng</b>	<b>2.028.581.218</b>	<b>1.622.816.733</b>

### 5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.388.025.599	6.978.305.407
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	245.858.566	1.370.587.536
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	43.628.625	31.395.172
<b>Cộng</b>	<b>7.677.512.790</b>	<b>8.380.288.115</b>

### 6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.965.817.324	1.697.805.572
Chi phí vật liệu, bao bì	12.647.727	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	112.412.089	45.742.789
Chi phí khấu hao tài sản cố định	274.985.436	180.934.333
Chi phí chi trả các trạm bảo hành	3.201.014.033	2.409.400.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.237.034.218	5.850.432.090
Các chi phí khác	9.672.238.404	3.863.254.658
<b>Cộng</b>	<b>25.476.149.231</b>	<b>14.047.569.637</b>

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.628.181.290	5.784.230.375
Chi phí vật liệu quản lý	74.241.442	80.744.025
Chi phí đồ dùng văn phòng	223.646.002	163.398.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.467.180.398	755.476.927
Thuế, phí và lệ phí	536.840.376	561.704.985
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	4.357.345.446	1.348.356.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.419.057.837	2.050.564.031
Các chi phí khác	3.014.966.072	2.301.620.499
<b>Cộng</b>	<b>22.721.458.863</b>	<b>13.046.095.775</b>

### 8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu cho thuê văn phòng	6.062.727.262	6.119.999.989
Điều chỉnh công nợ phải trả người bán	278.834.182	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	15.776.044	2.083.352.841
Thu nhập khác	28.563.633	6.676.878
<b>Cộng</b>	<b>6.385.901.121</b>	<b>8.210.029.708</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt do hủy hợp đồng của Công ty Liên kết truyền thông	96.236.910	-
Tiền phạt, truy thu thuế chậm nộp	4.725.779.554	289.508.232
Tiền phạt tại chi nhánh Hồ Chí Minh	-	56.449.999
Các khoản phạt truy thu khác	365.048.588	9.208.608
Thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường	2.338.917	
Ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa tỉnh Vĩnh Phúc	5.629.215	
Chi phí khác	6.206.578	6.174.323
<b>Cộng</b>	<b><u>5.201.239.762</u></b>	<b><u>361.341.162</u></b>

### 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>15.493.425.293</b>	<b>14.177.834.553</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.292.496.948	961.214.430
Tiền phạt truy thu thuế chậm nộp	4.725.779.554	376.685.776
Tiền phạt tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	56.449.999
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	1.348.356.025
Các khoản phạt, truy thu thuế khác	365.048.588	12.072.786
Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát không điều hành	44.655.208	15.727.250
Chi phí tài trợ	204.509.471	-
Chi phí ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, chi phí không hợp lệ khác	5.629.215	5.680.709
Lãi lỗ phát sinh trong quá trình hợp nhất	-	283.799.218
- Các khoản điều chỉnh giảm	(53.125.088)	(1.137.557.333)
Lãi công trình Buôn Hồ (*)	-	(1.137.557.333)
Lãi phát sinh trong quá trình hợp nhất	(53.125.088)	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b><u>20.785.922.241</u></b>	<b><u>15.139.048.983</u></b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>4.157.184.448</b>	<b>3.330.590.776</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b><u>74.014.568</u></b>	<b><u>341.364.816</u></b>
<b>Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>4.231.199.016</u></b>	<b><u>3.671.955.592</u></b>

(\*) Công trình Buôn Hồ đã được ghi doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 theo biên bản kiểm tra của cơ quan thuế.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(345.563.453)	(44.785.521)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	44.785.521	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(17.650.307)
<b>Cộng</b>	<b><u>(300.777.932)</u></b>	<b><u>(62.435.828)</u></b>

### 12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.322.431.838	10.526.052.441
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.322.431.838	10.526.052.441
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.849.576	14.849.576
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>762</u></b>	<b><u>709</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.849.576	14.849.576
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>14.849.576</u></b>	<b><u>14.849.576</u></b>

### 13. Chi phí theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ đồ dùng	14.962.571.807	63.386.438.985
Chi phí nhân công	11.036.677.438	7.231.364.010
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.232.703.295	4.895.383.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.000.798.640	10.781.358.717
Chi phí trạm bảo hành	3.201.014.033	2.409.400.195
Chi phí dự phòng	5.469.041.018	1.348.356.025
Chi phí bằng tiền khác	13.215.672.852	6.820.418.767
<b>Cộng</b>	<b><u>75.118.479.083</u></b>	<b><u>96.872.720.171</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

#### Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>
Chuyển khoản cho vay thành đầu tư góp vốn liên kết	10.037.064.000
Chuyển khoản lãi cho vay thành đầu tư góp vốn liên kết	424.879.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.461.943.000</u></b>

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Các thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Thu tiền tạm ứng đầu tư	8.761.000.000	775.000.000
Thu lại khoản đặt cọc mua đất	-	13.000.000.000
Đặt cọc tiền mua đất	-	13.000.000.000
<i>Cá nhân không còn là thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Thu tiền tạm ứng đầu tư	8.948.020.140	780.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thành viên hội đồng quản trị	-	8.761.000.000
Cá nhân không còn là thành viên HĐQT	-	8.948.020.140
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>17.709.020.140</u></b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	639.117.577	664.398.773
Cổ tức nhận được	1.583.035.200	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.222.152.777</u></b>	<b><u>664.398.773</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

#### Bên liên quan

Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ  
Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển hạ tầng Nagakawa  
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam

#### Mối quan hệ

Cổ đông chính  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ</b>		
Phải thu tiền bán hàng	80.894.021.271	82.155.817.120
+ Giá trị chưa thuế	73.540.019.333	74.687.106.469
+ Thuế GTGT đầu ra	7.354.001.938	7.468.710.651
Phải thu tiền cho thuê kho	216.000.000	216.000.000
+ Giá trị chưa thuế	196.363.632	196.363.632
+ Thuế GTGT đầu ra	19.636.368	19.636.368
Mua hàng hóa	81.645.267.249	1.079.921.000
+ Giá trị chưa thuế	74.222.970.226	981.746.363
+ Thuế GTGT đầu ra	7.422.297.023	98.174.637
Trả tiền hàng	103.461.683.839	147.000.000
Thanh toán công nợ	74.545.000.000	89.149.279.160
Thu lại tiền hợp tác đầu tư	9.050.000.000	4.950.000.000
Ứng trước tiền hàng	-	497.225.000
Thu lại tiền ứng trước	340.907.562	-
<b>Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam</b>		
Phải thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ	498.088.360	
+ Giá trị chưa thuế	452.807.600	
+ Thuế GTGT đầu ra	45.280.760	
Phải thu tiền cho thuê kho	6.336.000.000	
+ Giá trị chưa thuế	5.760.000.000	
+ Thuế GTGT đầu ra	576.000.000	
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.780.752.741	
Thu tiền cho vay ngắn hạn	5.752.936.000	
Chi tiền cho vay ngắn hạn	5.500.000.000	
Lãi vay phải thu	407.151.000	
Chuyển khoản cho vay thành đầu tư góp vốn liên kết	10.037.064.000	
Chuyển khoản lãi cho vay phải thu thành đầu tư góp vốn liên kết	424.879.000	
Góp vốn bằng tiền	1.538.057.000	

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu của Công ty với với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ</b>	<b>44.046.103.463</b>	<b>24.721.136.602</b>
Phải thu tiền bán hàng	22.236.157.873	15.671.136.602
Phải thu do thanh lý Hợp đồng Hợp tác đầu tư	-	9.050.000.000
Ứng trước tiền hàng	21.809.945.590	-
<b>Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam</b>	-	<b>12.173.109.941</b>
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	1.865.381.941
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	10.290.000.000
Phải thu khác - lãi khoản cho vay ngắn hạn	-	17.728.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>44.046.103.463</b>	<b>36.894.246.543</b>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải trả của Công ty với với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ</b>	-	<b>347.378.562</b>
Phải trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	-	6.471.000
Phải trả tiền ứng trước	-	340.907.562
<b>Công ty Cổ phần may KLV</b>	<b>1.081.282.440</b>	-
Ứng trước tiền thuê kho	1.081.282.440	-
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>1.081.282.440</b>	<b>347.378.562</b>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ	Cộng
	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Trung	Miền Nam	Miền Nam	Miền Nam		
<b>Năm nay</b>								
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	314.225.192.422	30.836.985.009	41.087.341.161	-	-	-	386.149.518.592	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	250.129.927.583	1.202.072.728	9.084.484.882	(260.416.485.193)	-	-	-	
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>564.355.120.005</b>	<b>32.039.057.737</b>	<b>50.171.826.043</b>	<b>(260.416.485.193)</b>			<b>386.149.518.592</b>	
Chi phí bộ phận	503.462.884.042	27.197.138.951	43.498.824.560	(254.606.177.293)			319.552.670.260	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	60.892.235.963	4.841.918.786	6.673.001.483	(5.810.307.900)			66.596.848.332	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(48.197.608.094)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							18.399.240.238	
Doanh thu hoạt động tài chính							2.028.581.218	
Chi phí tài chính							(7.677.512.790)	
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết							1.558.455.268	
Thu nhập khác							6.385.901.121	
Chi phí khác							(5.201.239.762)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(4.231.199.016)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							300.777.932	
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>							<b>11.563.004.209</b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc		Khu vực Miền Trung		Khu vực Miền Nam		Các khoản loại trừ	Cộng
	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Trung	Miền Nam	Miền Nam	Loại trừ		
<b>Số cuối năm</b>								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	458.252.645.338	11.209.533.829	25.726.637.405	(153.478.898.844)			341.709.917.728	<u>341.709.917.728</u>
<b>Tổng tài sản</b>	268.422.373.467	6.106.240.711	15.705.572.134	(129.722.943.398)			160.511.242.914	<u>160.511.242.914</u>
<b>Số đầu năm</b>								
Tài sản trực tiếp của bộ phận	358.042.777.975	7.684.235.817	11.687.386.848	(93.768.853.656)			283.645.546.984	<u>283.645.546.984</u>
<b>Tổng tài sản</b>	180.080.727.574	7.682.974.381	11.687.386.848	(81.492.056.376)			117.959.032.427	<u>117.959.032.427</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.545.805.292	7.402.031.777	8.545.805.292	7.402.031.777
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	827.000.000	280.099.050	827.000.000	280.099.050
Phải thu khách hàng	81.082.021.475	82.110.297.083	81.082.021.475	82.110.297.083
Các khoản cho vay	3.980.000.000	20.990.000.000	3.980.000.000	20.990.000.000
Các khoản phải thu khác	3.161.767.691	28.059.850.205	3.161.767.691	28.059.850.205
<b>Cộng</b>	<b>97.596.594.458</b>	<b>138.842.278.115</b>	<b>97.596.594.458</b>	<b>138.842.278.115</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	119.369.895.195	80.618.707.027	119.369.895.195	80.618.707.027
Phải trả người bán	14.209.454.465	18.023.892.758	14.209.454.465	18.023.892.758
Các khoản phải trả khác	6.302.853.214	3.593.654.944	6.302.853.214	3.593.654.944
<b>Cộng</b>	<b>139.882.202.874</b>	<b>102.236.254.729</b>	<b>139.882.202.874</b>	<b>102.236.254.729</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

### 4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

## 5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	118.745.130.462	624.764.733	-	119.369.895.195
Phải trả người bán	14.209.454.465	-	-	14.209.454.465
Các khoản phải trả khác	6.302.853.214	-	-	6.302.853.214
<b>Cộng</b>	<b>139.257.438.141</b>	<b>624.764.733</b>	-	<b>139.882.202.874</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	79.606.122.294	1.012.584.733	-	80.618.707.027
Phải trả người bán	18.023.892.758	-	-	18.023.892.758
Các khoản phải trả khác	3.576.196.044	17.458.900	-	3.593.654.944
<b>Cộng</b>	<b>101.206.211.096</b>	<b>1.030.043.633</b>	-	<b>102.236.254.729</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### ***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## 7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 23 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thảng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>						
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	1.476.641.400	1.476.641.400		1.476.641.400	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Số 4	Khó có khả năng thu hồi	355.675.942	355.675.942			
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>						
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh Hoàn Kiếm	Khó có khả năng thu hồi	1.224.076.704	1.224.076.704		1.224.076.704	-
Công ty Cổ phần điện gia dụng Nagakawa	Khó có khả năng thu hồi	1.300.951.400	1.300.951.400		1.300.951.400	-
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vitech	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000
Guangdong Sky bright Group Co.,Ltd	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699
Zhejiang Bingfeng Compressor co.,Ltd	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	377.031.887	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	377.031.887
Kelon International Inc	Khó có khả năng thu hồi	96.799.409	96.669.539	Khó có khả năng thu hồi	145.392.434	96.669.539
<b>Cộng</b>		<b>5.705.831.341</b>	<b>5.705.701.471</b>		<b>5.398.748.424</b>	<b>1.348.356.025</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.493.425.293	14.177.834.553
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4.232.703.295	4.895.383.472
- Các khoản dự phòng	03		7.310.462.544	(400.913.782)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		43.628.625	31.395.172
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.584.214.545)	(1.621.220.711)
- Chi phí lãi vay	06		7.388.025.599	6.978.305.407
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		32.884.030.811	24.060.784.111
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23.412.138.491)	3.077.130.137
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(53.737.622.922)	(20.458.399.313)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8.789.288.052	(2.057.293.713)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(110.183.952)	(1.345.199.614)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.299.993.924)	(6.961.999.682)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.177.320.384)	(5.056.474.324)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(46.063.940.810)</b>	<b>(8.741.452.398)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.082.339.585)	(3.034.041.010)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(32.307.000.000)	(49.790.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		38.733.035.050	55.074.385.600
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.538.057.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.050.000.000	4.950.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.741.835.129	1.693.234.378
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>11.597.473.594</b>	<b>8.893.578.968</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất** (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33		305.079.312.595		220.904.659.801
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(266.328.124.427)		(217.515.445.762)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.141.210.897)		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>35.609.977.271</b>		<b>3.389.214.039</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>1.143.510.055</b>		<b>3.541.340.609</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>7.402.031.777</b>		<b>3.862.273.906</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		263.460		(1.582.738)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>8.545.805.292</b>		<b>7.402.031.777</b>

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Lập ngày 23 tháng 3 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2016

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại
- Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
  - Sản xuất, mua bán, lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa không khí.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**  
Danh sách Công ty con được hợp nhất:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	80%	80%
Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng	225 Hà Huy Tập, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	52%	52%
Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh	64 Lưu Chí Hiếu, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%

Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	100%	28%
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	Khu 09, Phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	48%	48%

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

### 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

Dự phòng phải trả của Công ty là các khoản dự phòng bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tỷ giá trao đổi cuối kỳ được xác định theo tỷ giá thực tế tại các Ngân hàng mà Công ty có thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tỷ giá trao đổi cuối kỳ được xác định theo tỷ giá thực tế tại các Ngân hàng mà Công ty có thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### 15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

### 16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

### 17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 19. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### 20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### ***Công cụ tài chính phức hợp***

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.438.684.240	1.332.043.145
Tiền gửi ngân hàng	2.834.121.052	6.069.988.632
Các khoản tương đương tiền	3.273.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng	3.273.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.545.805.292</b>	<b>7.402.031.777</b>

### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên	827.000.000	827.000.000	280.099.050	280.099.050
<b>Cộng</b>	<b>827.000.000</b>	<b>827.000.000</b>	<b>280.099.050</b>	<b>280.099.050</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>22.236.157.873</b>	<b>17.532.518.543</b>
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	22.236.157.873	15.671.136.602
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	-	1.861.381.941
<i>Phải thu các khách hàng (*)</i>	<b>60.678.180.944</b>	<b>64.577.778.540</b>
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh kỹ thuật cao Gia Bình	-	19.635.541.582
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và Thương mại Tân Việt Hưng	731.224.700	5.872.009.400
Công ty TNHH điện máy Nhân Việt	5.713.651.743	765.126.225
Công ty Cổ phần Điện Gia Dụng Nagakawa	1.476.641.400	1.476.641.400
Các đối tượng khác	52.756.663.101	36.828.459.933
<b>Cộng</b>	<b>82.914.338.817</b>	<b>82.110.297.083</b>

(\*) Trong đó các khoản phải thu khách hàng được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<b>21.809.945.590</b>	-
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	21.809.945.590	-
<i>Trả trước cho người bán khác (**)</i>	<b>27.840.149.841</b>	<b>15.589.018.296</b>
Công ty Cổ phần Điện Gia Dụng Nagakawa	1.300.951.400	1.300.951.400
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh kỹ thuật cao Gia Bình	-	5.609.816.089
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh Hoàn Kiếm	1.224.076.704	1.224.076.704
Công ty TNHH Thương Mại Và Tư Vấn Kỹ thuật- Cao	5.160.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Tuấn Hằng	600.000.000	1.581.707.000
Công ty Cổ phần Đông Thụy Anh	400.000.000	1.178.228.950
Công ty Cổ phần thép 134 Hà Nội	-	1.167.980.535
Công ty Cổ phần thương mại và thiết bị điện Việt Nam	6.348.500.000	-
Đối tượng khác	12.806.621.737	3.526.257.618
<b>Cộng</b>	<b>49.650.095.431</b>	<b>15.589.018.296</b>

(\*\*) Trong đó các khoản trả trước cho người bán được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	<b>10.290.000.000</b>
Cho Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam vay với lãi suất 8%/năm	-	10.290.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>3.980.000.000</b>	<b>10.700.000.000</b>
Ông Nguyễn Văn Hiệu vay lãi suất 0,7%/tháng	780.000.000	-
Ông Trương Quang Tú vay lãi suất 0,7%/tháng	1.500.000.000	-
Bà Phạm Thị Lan Anh vay	-	2.700.000.000
Bà Trịnh Thị Yên vay lãi suất 0,5%/tháng	1.700.000.000	1.500.000.000
Ông Lê Văn Năm vay lãi suất 6%/năm	-	2.500.000.000
Ông Nguyễn Văn Mạnh vay lãi suất 6%/năm	-	2.000.000.000
Cho bà Đỗ Thị Thuận vay lãi suất 09%/năm	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.980.000.000</u></b>	<b><u>20.990.000.000</u></b>

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	<b>17.828.728.000</b>	-
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	-	-	9.050.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Khà - Tạm ứng hoạt động đầu tư	-	-	8.761.000.000	-
Lãi vay phải thu Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam	-	-	17.728.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>3.161.767.691</b>	-	<b>10.231.122.205</b>	-
Ký cược, ký quỹ	705.749.392	-	765.977.713	-
Tạm ứng	1.190.526.162	-	9.148.101.884	-
Lãi vay phải thu	14.462.689	-	316.458.333	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.251.029.448	-	584.275	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.161.767.691</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>28.059.850.205</u></b>	<b><u>-</u></b>

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	<u>Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn</u>	<u>Nợ phải thu, cho vay dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	(1.348.356.025)	-	(1.348.356.025)
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.357.345.446)	-	(4.357.345.446)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(5.705.701.471)</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>(5.705.701.471)</u></b>

Chi tiết các khoản dự phòng xem phụ lục số 01.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng (*)	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	35.340.217.071	302.826.674	37.895.971.019	348.820.586
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.389.876.719	-	2.352.655.530	-
Thành phẩm	12.590.136.980	1.415.003.204	23.085.038.505	257.313.720
Hàng hóa	104.246.701.470	1.092.340.515	38.495.644.264	186.094.947
<b>Cộng</b>	<b>155.566.932.240</b>	<b>2.810.170.393</b>	<b>101.829.309.318</b>	<b>792.229.253</b>

(\*)Hàng tồn kho trích lập dự phòng trong năm là những mặt hàng ứ đọng lâu ngày, mẫu mã cũ không phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và khó có khả năng tiêu thụ, Công ty tiếp tục thực hiện thanh lý những mặt hàng này và trích lập dự phòng bổ sung để phản ánh chính xác giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(792.229.253)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(3.001.391.771)	(792.229.253)
Hoàn nhập dự phòng	983.450.631	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(2.810.170.393)</b>	<b>(792.229.253)</b>

### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	56.000.000	688.541.819
Chi phí CCDC xuất dùng	46.741.080	65.023.530
Chi phí bảo hiểm tài sản	35.905.862	39.014.610
Chi phí sửa chữa xe ô tô	-	100.838.540
Chi phí quảng cáo	474.251.785	368.283.009
Chi phí làm kệ trưng bày hội nghị	64.143.751	-
Chi phí bảo trì phần mềm	17.249.999	-
Chi phí trả trước khác	3.912.501	16.928.334
<b>Cộng</b>	<b>698.204.978</b>	<b>1.278.629.842</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	24.608.399.873	60.003.262.562	6.212.595.087	187.107.280	43.578.637	91.054.943.439
Tăng do mua sắm	-	-	573.650.909	-	-	573.650.909
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.762.079.729	-	-	-	383.174.439	3.145.254.168
Giảm khác (tặng tại sản theo chương trình khuyến mại)	-	-	(320.675.727)	-	-	(320.675.727)
<b>Số cuối năm</b>	<b>27.370.479.602</b>	<b>60.003.262.562</b>	<b>6.465.570.269</b>	<b>187.107.280</b>	<b>426.753.076</b>	<b>94.453.172.789</b>
<i>Trong đó:</i> Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	2.386.159.722	37.563.091.941	3.077.440.269	187.107.280	43.578.637	43.257.377.849
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	12.557.760.021	51.578.376.985	3.636.367.112	187.107.280	43.578.637	68.003.190.035
Tăng do trích khấu hao	1.204.158.144	2.495.155.682	533.389.469	-	-	4.232.703.295
Giảm khác (tặng tại sản theo chương trình khuyến mại)	-	-	(57.899.787)	-	-	(57.899.787)
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.761.918.165</b>	<b>54.073.532.667</b>	<b>4.111.856.794</b>	<b>187.107.280</b>	<b>43.578.637</b>	<b>72.177.993.543</b>

<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	12.050.639.852	8.424.885.577	2.576.227.975	-	-	23.051.753.404
<b>Số cuối năm</b>	<b>13.608.561.437</b>	<b>5.929.729.895</b>	<b>2.353.713.475</b>	<b>-</b>	<b>383.174.439</b>	<b>22.275.179.246</b>

Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 55.053.251.161 VND và 16.329.071.860 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long bao gồm toàn bộ nhà xưởng và một phần máy móc thiết bị phục vụ sản xuất điều hòa. Tài sản xe ô tô Kia Sorento có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 988.956.364 VND và 714.246.262 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long. Tài sản xe ô tô Toyota Fortuner có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 949.000.000 VND và 679.026.292 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long để đảm bảo cho khoản vay của Công ty con.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính có nguyên giá 133.962.600 VND, thời gian khấu hao 03 năm, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

### 12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD	Giá trị	Tỷ lệ theo Giấy CNDKKD	Giá trị
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa (*)	28%	4.148.336.292	28%	4.167.252.826
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam (**)	48 %	13.577.371.802		-
<b>Cộng</b>		<b>17.725.708.094</b>		<b>4.167.252.826</b>

(\*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 28%. Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết, tỷ lệ cổ phần sở hữu thực tế là 100% do các cổ đông khác chưa góp vốn điều lệ. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Vốn góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.040.000.000
Tỷ lệ vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	100%
Giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(891.663.708)
<b>Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>4.148.336.292</b>

(\*\*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam với tỷ lệ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 48% tương đương với 12.000.000 cổ phần, giá trị 12.000.000.000 VND, đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã góp đủ 12.000.000.000 VND. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Vốn góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	12.000.000.000
Tỷ lệ vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2016	48%
Tăng giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	1.577.371.802
<b>Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>13.577.371.802</b>

### 13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	475.206.868	224.957.627
Chi phí sửa chữa ô tô	52.700.207	79.715.133
Chi phí thiết kế, thu công hạng mục nội thất, nhà xưởng	-	3.352.090
Chi phí làm biển quảng cáo	14.085.796	37.167.281
Chi phí cải tạo sửa chữa nhà máy	246.125.642	268.986.322
Chi phí thử nghiệm hiệu suất năng lượng cho điều hòa	490.249.997	172.116.667
Chi phí đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp quy EMC	202.111.112	-
Chi phí trả trước khác	17.000.071	20.575.757
<b>Cộng</b>	<b>1.497.479.693</b>	<b>806.870.877</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm liên quan đến lãi nội bộ tập đoàn trong hàng tồn kho chưa thực hiện, chi tiết:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	44.785.521	-
Phát sinh trong năm	345.563.453	44.785.521
Hoàn nhập trong năm	(44.785.521)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>345.563.453</u></b>	<b><u>44.785.521</u></b>

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>-</b>	<b>6.471.000</b>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	-	6.471.000
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp</i></b>	<b>14.209.454.465</b>	<b>18.017.421.758</b>
Guangdong CHIGO AIR conditioning Co.,LTD	-	2.299.808.944
TCL Air Conditioner (Zhongshan) Co., LTD.	7.078.468.332	6.431.669.763
Guangdong chigo heating and ventilation equipment co.,ltd	2.264.953.393	-
Công ty TNHH Thương Mại Và Tư Vấn Kỹ thuật Cao	-	5.714.619.511
Phải trả cho các đối tượng khác	4.866.032.740	3.571.323.540
<b>Cộng</b>	<b><u>14.209.454.465</u></b>	<b><u>18.023.892.758</u></b>

### 16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước của các bên liên quan</i></b>	<b>1.081.282.440</b>	<b>340.907.562</b>
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	-	340.907.562
Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam	1.081.282.440	-
<b><i>Trả trước của các khách hàng</i></b>	<b>10.070.614.019</b>	<b>3.772.813.616</b>
Công ty TNHH phát triển thương mại Hưng Thịnh	1.055.472.904	-
Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	7.722.908.000	-
Đại lý Thanh Long	-	1.642.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Rubyland	-	1.122.880.000
Các đối tượng khác	1.292.233.115	1.007.433.616
<b>Cộng</b>	<b><u>11.151.896.459</u></b>	<b><u>4.113.721.178</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.728.639.108	-	3.113.642.666	5.431.373.633	410.908.141	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	14.931.220.615	14.931.220.615	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu	-	-	9.206.655.396	9.284.669.016	-	78.013.620
Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng xuất bán	5.291.459.626	-	3.529.371.655	8.720.243.057	100.588.224	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	471.317	14.419.984.628	14.516.500.980	-	96.987.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.506.463.107	-	4.231.199.016	3.177.320.384	4.560.341.739	-
Thuế thu nhập cá nhân	24.971.646	-	212.802.818	218.080.365	19.694.099	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	471.175.774	471.175.774	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	1.867.600	1.867.600	-	-
Các loại thuế khác	-	-	56.052.600	56.052.600	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.603.588.345	275.500.000	4.328.088.345	-
<b>Cộng</b>	<b>11.551.533.487</b>	<b>471.317</b>	<b>54.777.561.113</b>	<b>57.084.004.024</b>	<b>9.419.620.548</b>	<b>175.001.289</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng là 20%. (xem thuyết minh VI.10)

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	202.846.579	114.814.904
Chi phí thuê kho phải trả	13.000.000	71.986.365
Chi phí vật tư lắp đặt công trình Học viện quốc phòng	-	278.558.586
Trích trước chi phí quà tết	331.997.000	-
Chi phí khác	133.537.273	-
<b>Cộng</b>	<b>681.380.852</b>	<b>465.359.855</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
BHXH, BHYT, BHTN	7.319.445	52.765.984
Chiết khấu bán hàng phải trả	1.419.721.544	139.222.725
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	62.633.055	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	6.210.608
<b>Cộng</b>	<b>1.489.674.044</b>	<b>198.199.317</b>

#### 20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>118.460.167.129</b>	<b>118.460.167.129</b>	<b>79.246.158.961</b>	<b>79.246.158.961</b>
NH TMCP Đại Chúng VN- CN Thăng Long (a)	89.179.755.823	89.179.755.823	77.446.467.261	77.446.467.261
Ngân hàng NN và PTNT Phúc Yên (b)	1.790.340.640	1.790.340.640	1.799.691.700	1.799.691.700
NH TMCP Quân Đội - CN Thăng Long- PGD Lê Trọng Tấn (c)	8.116.392.900	8.116.392.900	-	-
NH TMCP Vietinbank - CN Bắc Thăng Long (d)	19.373.677.766	19.373.677.766	-	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.24)</b>	<b>284.963.333</b>	<b>284.963.333</b>	<b>359.963.333</b>	<b>359.963.333</b>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	75.000.000	75.000.000
Ngân hàng TMCP Vietinbank - CN Bắc Thăng Long	129.960.000	129.960.000	129.960.000	129.960.000
NH TMCP Đại Chúng VN- CN Thăng Long	155.003.333	155.003.333	155.003.333	155.003.333
<b>Cộng</b>	<b>118.745.130.462</b>	<b>118.745.130.462</b>	<b>79.606.122.294</b>	<b>79.606.122.294</b>

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 07/2016/HMTD/PVBTL-Nagakawa ký ngày 06/06/2016, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 120 tỷ đồng. Trong đó dư nợ cho vay, phát hành LC và bảo lãnh thanh toán tối đa là 100 tỷ đồng, số tiền cấp bảo lãnh tối đa là 20 tỷ đồng, hạn mức tín dụng trên bao gồm toàn bộ dư nợ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2015/HMTD/PVBTL-Nagakawa ngày 19/6/2015. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 05/06/2015, thời hạn cho vay tối đa 06 tháng, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ và lãi vay được trả định kỳ vào ngày 26 hàng tháng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản tại số nhà 112 ngõ 115/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội thuộc quyền sở hữu của Bà Đào Thị Soi và Ông Nguyễn Đức Khả theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10111071095.

+ Bất động sản tại số 05, ngách 105, ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, TP Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010913519700112.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

+ Bất động sản tại số 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10111071019.

+ Bất động sản tại thửa đất số 72.1, tờ bản đồ số 14, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội thuộc sở hữu của bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI272273.

+ Bất động sản tại thửa đất số 13, tờ bản đồ 27, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đình Tấn và bà Đào Thị Hoa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 750752.

+ Toàn bộ nhà xưởng trên đất tại thửa đất số 340, tờ bản đồ số 26, phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc thuộc sở hữu của Công ty.

+ Hệ thống máy móc thiết bị, điều hòa, tủ đông thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam Chi tiết về tài sản đảm bảo được thể hiện tại hợp đồng thế chấp số 07/2014/HĐTC/PVBTL-Nagakawa ký ngày 31/10/2014.

+ Cổ phiếu do Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam phát hành thuộc sở hữu của Công ty TNHH PTKT Quốc tế Anh Vũ thể hiện trên hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 08/2014/HĐCC/PVBTL-AnhVu ký ngày 31/10/2014.

+ Cổ phiếu do Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam phát hành thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả thể hiện trên hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 10/2014/HĐCC/PVBTL-ONGKHA ký ngày 31/10/2014.

+ Hàng tồn kho luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam, chi tiết về hàng hóa được thể hiện trên hợp đồng thế chấp hàng hóa số 12/2014/HĐTC/PVBTL-NAGAKAWA ký ngày 31/10/2014.

+ Thế chấp tối thiểu 40% cổ phần Công ty dệt may KLV thuộc sở hữu của cổ đông với giá trị số sách tối thiểu 20 tỷ đồng.

(b) Là khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2890LAV201503652 ngày 31 tháng 12 năm 2015 với tổng hạn mức tín dụng được cấp tối đa là 1,8 tỷ đồng. Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay vốn: chi phí lưu động mua nguyên vật liệu theo các hợp đồng kinh tế thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016. Thời hạn cho vay tối đa không quá 12 tháng. Thời hạn cho vay, kỳ hạn nợ cụ thể, thời gian thanh toán nợ gốc và lãi được quy định trong từng giấy nhận nợ. Mức lãi suất tại thời điểm cho vay là 8%/năm (năm là 360 ngày), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, tiền lãi vay được trả định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(c) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 24827.16.068.879737.TD ngày 28 tháng 6 năm 2016 với hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán, phát hành L/C: 30 tỷ, hạn mức bảo lãnh 10 tỷ, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá tám tháng. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất các mặt hàng điện lạnh của khách hàng năm 2016 - 2017. Lãi suất, ngày điều chỉnh lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất theo văn bản nhận nợ của Ngân hàng. Tài sản đảm bảo là các mặt hàng thành phẩm